

Số: *325* /KH-UBND

Kon Tum, ngày *14* tháng 02 năm 2015

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015.

Thực hiện Luật Khoáng sản 2010, Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản và Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2015, với các nội dung chủ yếu sau đây:

I. Mục đích, yêu cầu:

1. Mục đích:

- Nhằm đổi mới cơ chế quản lý hoạt động khoáng sản phù hợp với cơ chế kinh tế thị trường đúng theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.
- Phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản tại địa phương, tăng nguồn thu ngân sách cho Nhà nước. Hoạt động khai thác phải đảm bảo có hiệu quả và tiết kiệm không lãng phí thất thoát tài nguyên.

2. Yêu cầu:

- Các điểm được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt (*ngoài khu vực đã được UBND tỉnh khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của Luật Khoáng sản 2010*).
- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản được thực hiện công khai, minh bạch, bình đẳng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.
- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá và quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

II. Nội dung:

1. Các điểm mở đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2015: Tổng số 33 điểm mở, trong đó:

- Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường: 24 điểm mở.
- Đá làm vật liệu xây dựng thông thường: 08 điểm mở.
- Than bùn: 01 điểm mở.

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức phiên đấu giá theo quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

3. Thời gian thực hiện:

- Ngày 05/5/2015: Đấu giá 09 điểm mỏ (trong đó 07 điểm mỏ cát, sỏi chưa thăm dò và 02 điểm mỏ cát, sỏi đã thăm dò).

- Ngày 14/5/2015: Đấu giá 10 điểm mỏ cát, sỏi (chưa thăm dò).

- Ngày 20/5/2015: Đấu giá 14 điểm mỏ (trong đó 05 điểm mỏ cát, sỏi chưa thăm dò; 01 điểm mỏ đá đã được thăm dò phê duyệt trữ lượng, 07 điểm mỏ đá chưa thăm dò và 01 điểm than bùn chưa thăm dò).

(Có phụ lục danh mục các điểm mỏ đấu giá quyền khai thác khoáng sản kèm theo).

4. Kinh phí thực hiện:

Theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Quyết định số 74/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Ban hành mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

III. Nhiệm vụ:

- Thông báo công khai các khu vực và điểm mỏ đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh năm 2015, các thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thông tin cơ bản về địa chất và khoáng sản đã điều tra, đánh giá, phê duyệt trữ lượng.

- Xác định giá khởi điểm phiên đấu giá, xác định bước giá cho các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Tài chính và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định hiện hành.

IV. Phân công trách nhiệm:

1. Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh (thành lập tại Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh): Thực hiện nhiệm vụ giúp UBND tỉnh triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép theo quy định tại Điều 82 Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản và Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

- Công bố công khai danh mục khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá theo kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản, các thông tin về tài nguyên khoáng sản tại khu vực đấu giá, tài liệu điều tra, đánh giá tại Trụ sở cơ quan, Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với đơn vị, địa phương có liên quan xác định giá khởi điểm trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Tiếp nhận và chuẩn bị hồ sơ trước, sau phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ và phối hợp với Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tỉnh thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan xác định và thẩm định giá khởi điểm, bước giá để đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

- Phối hợp thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

4. Các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thành phố có khoáng sản đưa ra đấu giá có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện theo Kế hoạch.

Trong quá trình tổ chức triển khai Kế hoạch này nếu có những vấn đề vướng mắc các Sở, ngành, UBND các huyện và thành phố kịp thời phản ánh, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận: *ll*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng, Sở Công Thương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính, Sở Tư pháp;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kon Tum;
- Lãnh đạo VP, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN3.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]
Nguyễn Đức Tuy

Phụ lục:

KẾ HOẠCH ĐẦU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN NĂM 2015



I. Cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường:

1. Địa bàn thành phố Kon Tum:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích (ha)	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (m ³)	Thời gian đấu giá	Ghi chú
	X	Y					
Địa điểm: Thôn Kon Rơ Wang, phường Thăng Lợi							
Điểm mỏ số 1							
1	15 87.778	5 57.510	0,8465	Mỏ đã thăm dò chưa được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mỏ thuận lợi đưa vào khai thác.	C ₁₂₁ = 8.550 C ₂₂₂ = 51.300	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 183
2	15 87.785	5 57.560					
3	15 87.770	5 57.668					
4	15 87.786	5 57.787					
5	15 87.756	5 57.791					
6	15 87.740	5 57.668					
7	15 87.755	5 57.560					
8	15 87.748	5 57.510					
Điểm mỏ số 2							
1	15 87.758	5 57.312	0,8428	Mỏ chưa thăm dò, đã được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mỏ thuận lợi đưa vào khai thác	50.570	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 183
2	15 87.793	5 57.510					
3	15 87.747	5 57.510					
4	15 87.737	5 57.470					
5	15 87.725	5 57.309					
Địa điểm: Làng Kon Jơ Dri, xã Đăk Rơ Wa và làng Kon Jơ Droi, xã Đăk Blà							
Điểm mỏ số 3							
1	15 87.259	559.573	0,9200	Mỏ đã thăm dò chưa được khai thác, hai bên bờ là nương rẫy của dân, có đường giao thông vào tới mỏ thuận lợi đưa vào khai thác	C ₁₂₁ = 15.640 C ₂₂₂ = 93.840	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 182
2	12 87.269	559.601					
3	15 86.956	559.694					
4	15 86.947	559.669					

2. Địa bàn các huyện:



Tên khu vực	Tọa độ X Y		Diện tích (ha)	Hiện trạng	Tài nguyên dự báo (1000m ³)	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
Huyện Kon Rẫy							
Địa điểm: Thôn 3 xã Tân Lập							
Điểm mỏ số 4							
1	1602756	573518	05	Mỏ thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, hai bên bờ là nương rẫy của dân, mỏ đã được khai thác, đã có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mỏ thuận lợi cho việc khai thác	50	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 138
2	1602771	573568					
3	1602715	573941					
4	1602600	573975					
5	1599925	572687					
6	1599962	572560					
Địa điểm: Thôn 10, thôn 11, xã Đăk Ruông							
Điểm mỏ số 5							
1	1599571	572693	10	Mỏ thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, hai bên bờ là nương rẫy của dân, mỏ đã được khai thác, đã có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mỏ thuận lợi cho việc khai thác	100	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 139
2	1599682	572774					
3	1599601	573735					
4	1599553	573786					
5	1596822	570818					
6	1596967	570735					
Địa điểm: Thôn 5, xã Tân Lập							
Điểm mỏ số 6							
1	1602794	577534	05	Mỏ thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mỏ	50	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 136
2	1602895	577548					
3	1602593	578512					
4	1602553	578586					
Địa điểm: Thôn 7, TT Đăk Rve							
Điểm mỏ số 7							
1	1606663	582529	08	Mỏ thuộc sông Đăk Pơ Ne, chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông vào tới mỏ	80	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 133
2	1606607	582474					
3	1606824	582161					
4	1606827	582342					
Địa điểm: Thuộc thôn 6, xã Tân Lập							
Điểm mỏ số 8							
1	1602493	577283	09	Mỏ chưa thăm dò thuộc lòng sông Đăk Pơ Ne, đã	90	05/5/2015	Số hiệu quy



2	1602478	577353		được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ			hoạch 137
3	1600755	574643					
4	1600805	574657					

Địa điểm: Thuộc thôn 5, xã Tân Lập

Điểm mỏ số 9

1	1603818	579645	07	Mỏ chưa thăm dò thuộc lòng sông Đăk Pơ Ne, đã được khai thác, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	70	05/5/2015	Số hiệu quy hoạch 135
2	1603723	579600					
3	1602806	578828					
4	1602746	578802					

Huyện Đăk Tô

Địa điểm: Thôn 3 - 4 - 5, xã Tân Cảnh

Điểm mỏ số 10

1	1621341	529531	03	Mỏ chưa thăm dò, thuộc Sông Pô Kô, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	30	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 71
2	1621202	529585					
3	1621537	525993					
4	1621558	526140					

Địa điểm: Thôn 6, xã Kon Đào

Điểm mỏ số 11

1	1626712	534731	04	Mỏ chưa thăm dò, thuộc Đăk Tờ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào tới mỏ	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 66
2	1626735	534776					
3	1625408	535066					
4	1625458	535053					

Địa điểm: Khối 1, thị trấn Đăk Tô

Điểm mỏ số 12

1	1622702	535607	07	Mỏ chưa thăm dò thuộc Sông Đăk Tơ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	70	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 70
2	1622713	535648					
3	1621556	535971					
4	1621557	535928					

Địa điểm: Thôn Đăk Rao Lớn, thị trấn Đăk Tô

Điểm mỏ số 13

1	1618504	534783	07	Mỏ chưa thăm dò thuộc Sông Đăk Tơ Kan, một số vị trí có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	70	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 72
2	1618554	534733					
3	1620920	536127					
4	1620968	536156					

Địa điểm: Thôn 5, xã Diên Bình

Điểm mỏ số 14							
1	1617744	542606	04	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Pxi, một số vị trí có bến bãi tập kết và đường giao thông (đường đất) thuận lợi vào mỏ	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 75
2	1617749	542713					
3	1616836	542565					
4	1616861	542460					
Huyện Ngọc Hồi							
Địa điểm: Sông Đăk Pô Kô, thị trấn Plei Kân							
Điểm mỏ số 15							
1	1623329	525004	01	Mỏ chưa thăm dò, đã được khai thác, có bến bãi tập kết, xung quanh là nương rẫy của dân, đường giao thông thuận lợi vào mỏ	10	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 47
2	1623068	525381					
3	1627481	522417					
4	1627513	522340					
Địa điểm: Thôn Nông Nhảy 2, xã Đăk Nông và thôn 6, thị trấn Plei Kân							
Điểm mỏ số 16							
1	1630480	521729	04	Mỏ chưa thăm dò thuộc lòng sông Pô Kô, mỏ mới chưa khai thác, xung quanh là nương rẫy của dân, có đường giao thông thuận lợi dẫn tới mỏ	40	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 43
2	1630375	521712					
3	1628474	522120					
4	1628459	522062					
5	1630379	521596					
Địa điểm: Thôn Chá Nội 2, xã Đăk Nông và xã Đăk Ang							
Điểm mỏ số 17							
1	1633721	521461	03	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Pô Kô, đã được khai thác, hai bên bờ sông là nương rẫy của dân, tại một số vị trí có đường giao thông thuận lợi dẫn vào mỏ	30	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 39
2	1633567	521389					
3	1631257	521799					
4	1631213	521748					
Huyện Tu Mơ Rông							
Địa điểm: Làng Đăk Chum 2, xã Tu Mơ Rông							
Điểm mỏ số 18							
1	1648769	551524	7,1	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Tờ Kan, có bến bãi tập kết và đường giao thông thuận lợi vào mỏ	71	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 89
2	1648798	551558					
3	1647757	551887					
4	1647783	551846					
Địa điểm: Làng Kon HNông, xã Đăk Tờ Kan							
Điểm mỏ số 19							
1	1636001	539508	5	Mỏ cũ đã được khai thác	50	14/5/2015	Số hiệu quy hoạch 95
2	1635971	539570					

3	1634997	539117					
4	1634966	539026					
Huyện Kon Plông							
Địa điểm: Thôn Cờ Chặt 1, xã Măng Bút							
Điểm mô số 20							
1	1646799	571912	01	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Nghé, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	10	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 98
2	1646787	571942					
3	1646344	571958					
4	1646361	571918					
Địa điểm: Thôn Tu Nông 2, xã Măng Bút							
Điểm mô số 21							
1	1642648	574220	01	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Nghé, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	10	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 101
2	1642624	574195					
3	1642921	573795					
4	1642959	573791					
Huyện Sa Thầy							
Địa điểm: Ngã ba sông Sa Thầy – suối Dốp							
Điểm mô số 22							
1	1570023	496269	25	Mỏ chưa thăm dò, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	25	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 164
2	1569977	496334					
3	1566946	495215					
4	1566859	495259					
Huyện Đăk Hà							
Địa điểm: Tổ 10 thị trấn Đăk Hà							
Điểm mô số 23							
1	1606871	547592	10	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Uy, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	75	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 129
2	1606809	547744					
3	1603977	546423					
4	1604022	546331					
Địa điểm: Tổ 13 thị trấn Đăk Hà							
Điểm mô số 24							

1	1605096	543004	08	Mỏ chưa thăm dò thuộc sông Đăk Uy, có đường đất vào tới mỏ, 2 bờ sông là nương rẫy của dân	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 130
2	1605189	543101					
3	1604660	544708					
4	1604598	544705					

II. Đá làm vật liệu xây dựng thông thường:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (1000m ³)	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
	X	Y					
Huyện Sa Thầy							
Địa điểm: Thôn Bình Sơn, xã Sa Bình							
Điểm mỏ số 25							
1	1591941	537677	3,5	Mỏ cũ chưa thăm dò, đã được cấp phép khai thác nay hết hạn, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân, có đường đất dẫn vào tới mỏ	105	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 152
2	1591976	537604					
3	1591827	537435					
4	1591655	537583					
5	1591731	537705					
6	1591837	537677					
7	1591941	537677					
Địa điểm: Làng Le, xã Mô Rai							
Điểm mỏ số 26							
1	1581651	498234	5	Mỏ đã được thăm dò thuộc rừng sản xuất	C121: 382.275 m ³	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 161
2	1581842	498391					
3	1581717	498546					
4	1581525	498389					
Huyện Đăk Tô							
Địa điểm: Thôn Kon Pring, xã Ngọc Tú							
Điểm mỏ số 27							
1	1629350	535420	5,1	Mỏ chưa thăm dò, đã được cấp phép khai thác nay hết hạn, xung quanh là đất đồi trống.	153	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 61
2	1629360	535560					
3	1629250	535590					
4	1629110	535570					
5	1629110	535380					
6	1629160	535325					

7	1629350	535420					
Địa điểm: Thôn 1, xã Tân Cảnh							
Điểm mỏ số 28							
	1620078	533740	06	Mỏ chưa thăm dò, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào tới mỏ, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân	180	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 73
2	1619850	533640					
3	1619678	534089					
4	1619929	534179					
5	1620078	533740					
Huyện Kon Plông							
Địa điểm: Thôn 6, xã Hiếu							
Điểm mỏ số 29							
1	1616534	601961	02	Mỏ chưa thăm dò, có độ dốc lớn (hơn 60 ⁰), có đường giao thông vào tới mỏ, thuận lợi cho khai thác	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 112
2	1616753	602404					
3	1616050	602809					
4	1615797	602361					
5	1616534	601961					
Huyện Đăk Glei							
Địa điểm: Thôn Đăk Poi, thị trấn Đăk Glei							
Điểm mỏ số 30							
1	1664532	525792	10	Mỏ chưa thăm dò, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào tới mỏ, xung quanh mỏ là nương rẫy của dân	1250	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 18
2	1664200	525803					
3	1664204	525305					
4	1664539	525301					
Huyện Tu Mơ Rông							
Địa điểm: Làng Tam Rìng, xã Ngọc Yêu							
Điểm mỏ số 31							
1	1643704	558081	02	Mỏ cũ chưa thăm dò, trước đây đã được khai thác có độ dốc lớn (hơn 50 ⁰), xung quanh mỏ là rừng tái sinh, có đường đất dẫn tới mỏ	60	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 92
2	1643809	557834					
3	1644376	558186					
4	1644300	558360					
5	1643704	558081					
Địa điểm: Thôn, Làng Ngọc Leng, xã Đăk Hà							
Điểm mỏ số 32							
1	1643152	547425	02	Mỏ chưa thăm dò, thuộc rừng sản xuất,	60	20/5/2015	Số hiệu QH 94
2	1642823	547425					
3	1642813	547104					

1643151	547107					
1643152	547425					

III. Than bùn:

Tên khu vực	Tọa độ		Diện tích	Hiện trạng	Trữ lượng, tài nguyên dự báo (1000m ³)	Thời gian dự kiến đầu giá	Ghi chú
	X	Y					
Thành phố Kon Tum							
Địa điểm: Xã Ia Chim							
Điểm mỏ số 33							
1	1579402	546264	05	Mỏ cũ, trước đây đã cấp phép khai thác nay hết hạn, có đường giao thông vào mỏ, thuận lợi đưa vào cấp phép khai thác.	62.5	20/5/2015	Số hiệu quy hoạch 152
2	1579424	546358					
3	1578942	546457					
4	1578917	546353					

Ghi chú:

- Tổng cộng có 33 điểm mỏ trong đó: 24 điểm mỏ cát, sỏi (02 điểm mỏ đã thăm dò, 22 điểm mỏ chưa thăm dò), 08 điểm mỏ đá (01 điểm mỏ đã thăm dò, 07 điểm mỏ chưa thăm dò) và 01 điểm than bùn.
- Các điểm trên nằm trong nội dung Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum, tài nguyên dự báo được xác định căn cứ theo kỳ quy hoạch giai đoạn đến 2020.
- Tọa độ các điểm mỏ chưa thăm dò được trích lược từ mục “Giới hạn các điểm góc” tại Phụ lục I của Quyết định quy hoạch số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum. Tọa độ chi tiết từng điểm mỏ tham khảo tại Số hiệu quy hoạch phần “Ghi chú” tại Phụ lục I Quyết định số 71/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Kon Tum.